

Số: 90 /QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 17 tháng 01 năm 2019

## **QUYẾT ĐỊNH**

**V/v: Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2019 – 2020  
trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 120/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 414/QĐ-UBND về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư chương trình 135 giai đoạn 2017 – 2020;

Căn cứ Thông tư số 01/2017/TT-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban Dân tộc quy định chi tiết thực hiện Dự án 2 (chương trình 135) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2019-2020 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu,

Xét Tờ trình số: 21/TTr-BDT ngày 09/ 01/2019 của Trưởng Ban Dân tộc về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2019 – 2020 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2019 – 2020 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**Điều 2.** Giao Ban Dân tộc là cơ quan thường trực Chương trình 135 có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện Châu Đức, Xuyên Mộc triển khai Kế hoạch này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Dân tộc, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Lao động Thương binh và Xã hội, UBND các huyện Châu Đức, Xuyên Mộc và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ĐHL*

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- TTr TU; TTr HĐND Tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch;
- UBMTTQ Tỉnh và các đoàn thể;
- Các Ban thuộc HĐND Tỉnh;
- Lưu VT-TH; VX2, VX5

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Thanh Tịnh*  
**Nguyễn Thanh Tịnh**

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2019 – 2020 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 90 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2019  
của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình 135  
giai đoạn 2019 – 2020 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)*

## **I. TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI CỦA CÁC THÔN, ÁP ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU.**

### **1. Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình 135 giai đoạn III (2015- 2018):**

Thực hiện Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn; Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của Ủy ban Dân tộc về công nhận thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015. Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu công nhận có 03 xã và 21 thôn, ấp đặc biệt khó khăn. Trong đó:

- Huyện Xuyên Mộc có 01 xã và 14 thôn, ấp đặc biệt khó khăn là xã Hòa Hiệp và ấp Bàu Hàm, ấp Bàu Ngứa thuộc xã Tân Lâm; ấp Khu I, ấp Bình Thắng thuộc xã Bình Châu; ấp 1, ấp 2 Tây thuộc xã Bàu Lâm; ấp Tân Rú, ấp Thạnh Sơn 3, ấp Tân Trung thuộc xã Phước Tân; ấp Phú Quý, ấp Phú Tài, ấp Phú Lộc, ấp Phú Vinh, ấp Phú Lâm thuộc xã Hòa Hiệp.

- Huyện Châu Đức có 02 xã và 07 thôn, ấp đặc biệt khó khăn là xã Suối Rao, xã Đá Bạc và ấp Vinh Thanh thuộc thị trấn Ngãi Giao; thôn 1 thuộc xã Bình Trung; thôn 1, thôn 3 thuộc xã Suối Rao; thôn Lò Ô, thôn Bình Sơn, thôn Bàu Điền thuộc xã Đá Bạc

- Tình hình kinh tế - xã hội của các thôn, ấp đặc biệt khó khăn, xã thuộc khu vực III thuộc diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn III của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với 10.841 hộ và 51.104 khẩu, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số có 1.668 hộ với 7.362 khẩu. Số hộ nghèo là 2.398 hộ. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân trong 21 thôn, ấp và 03 xã nói trên là 22,03%.

Ngày 22/5/2014 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1022/QĐ-UBND về việc Phê duyệt đề án Chương trình 135 giai đoạn III (2015 – 2018) về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất các xã, thôn, ấp đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh phê duyệt kinh phí là 242.340 triệu đồng. Trong quá trình thực hiện, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 27/4/2015 về định mức hỗ trợ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 giai đoạn III tăng từ hỗ trợ 5 triệu đồng/hộ lên 10 triệu đồng/hộ. Do đó, kinh

phí bổ sung cho Hợp phần phát triển sản xuất là: 6.530 triệu đồng; kinh phí bổ sung để thực hiện Dự án đào tạo bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ xã, thôn và cộng đồng là 910 triệu đồng. Tổng kinh phí thực hiện Chương trình 135 giai đoạn III (2015 – 2018) là: **249.280 triệu đồng**, gồm:

1.1. Hợp phần phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu là 234.750 triệu đồng, cụ thể:

a) Đầu tư 51 công trình đường giao thông dài 135,96 km từ xã đến thôn, ấp, liên thôn ấp: 218.120 triệu đồng.

Gồm: 20 công trình từ đường đất làm đường đá xô bồ dài 76,2 km; 24 công trình đường đá xô bồ làm đường nhựa dài 51,06 km; 07 công trình đường đất làm đường nhựa dài 8,7 km.

b) Đầu tư 08 công trình điện: 8.230 triệu đồng.

Gồm: 9,4 km hệ thống đường dây hạ thế.

c) Xây dựng 01 nhà Văn hóa truyền thống dân tộc thiểu số: 2.000 triệu đồng.

d) Đầu tư 03 công trình thủy lợi: 6.400 triệu đồng.

Qua 04 năm thực hiện Chương trình 135 giai đoạn III, cùng với việc lồng ghép các chương trình đề án của tỉnh, Đề án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh giai đoạn 2016 – 2020 cơ sở hạ tầng thiết yếu của các xã đặc biệt khó khăn nói chung và vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh nói riêng đã có những bước thay đổi đáng kể, đời sống của đại đa số dân cư và đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh từng bước được cải thiện, nâng cao. Đường giao thông liên thôn ấp trên 03 xã và 11 thôn (ấp) đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 giai đoạn III phần lớn đã được đầu tư xây dựng; đa số các ấp đã được đầu tư hỗ trợ điện sinh hoạt, 90% số hộ được sử dụng điện thắp sáng là khoảng 9.750 hộ; 85% số hộ được sử dụng nước sạch sinh hoạt là khoảng 9.200 hộ; cải thiện hệ thống kênh mương, thủy lợi tưới tiêu phục vụ phát triển sản xuất.

Hiện nay đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng được cải thiện, cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đặc biệt khó khăn nói chung, trong đó có vùng đồng bào dân tộc nói riêng được đầu tư xây dựng đã phát huy hiệu cao. Các tuyến đường trọng yếu liên thôn ấp được xây dựng đáp ứng được nhu cầu đi lại cho nhân dân, thông thương trao đổi hàng hóa; các công trình điện được đầu tư nhằm hỗ trợ, phục vụ đời sống sinh hoạt cho Nhân dân; các công trình thủy lợi phục vụ tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp hết sức cần thiết và đạt hiệu quả cao; nhà Văn hóa dân tộc được đầu tư xây dựng nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của đồng bào. Hệ thống chính trị các xã đặc biệt khó khăn ngày càng được củng cố, tăng cường; an ninh quốc phòng được đảm bảo; góp phần cho công tác giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

1.2 . Hợp phần phát triển sản xuất: Tổng kinh phí 13.620 triệu đồng. Gồm:

a) Hỗ trợ cây, con giống cho 1.341 hộ, kinh phí 13.410 triệu đồng.

b) Tổ chức 28 lớp tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật về trồng trọt và chăn nuôi: 210 triệu đồng.

Việc hỗ trợ con giống bước đầu đã mang lại kết quả tích cực như các mô hình hỗ trợ giống dê, gà được bà con đồng tình hưởng ứng. Qua các lớp tập huấn chuyển giao KHKT đã dần giúp bà con biết ứng dụng, chủ động đầu tư đưa các giống mới có năng suất và hiệu quả kinh tế cao vào sản xuất nên số hộ đủ ăn và khá, giàu ngày một tăng góp phần giảm nghèo bền vững, tỷ lệ hộ nghèo hàng năm giảm khoảng 4%.

1.3. Dự án đào tạo bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ xã, thôn và cộng đồng với số tiền là 910 triệu đồng, gồm: Tổ chức 12 đợt tập huấn cho cán bộ xã, thôn và cộng đồng; Tổ chức 2 đợt đi tham quan học tập kinh nghiệm tại các tỉnh Tây Nguyên và Tây Nam bộ cho các cán bộ huyện, xã thuộc chương trình 135.

Dự án đào tạo bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ xã, thôn và cộng đồng giúp trang bị, bổ sung kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ, xóa đói giảm nghèo, nâng cao nhận thức pháp luật, nâng cao kỹ năng kiến thức đầu tư và kỹ năng quản lý điều hành để hoàn thành nhiệm vụ cho cán bộ, công chức cấp xã; chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất cho hộ nghèo vùng khó khăn để vươn lên thoát nghèo ổn định cuộc sống.

Kết quả của Chương trình 135 giai đoạn III qua thực hiện 03 hợp phần dự án đã mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội hết sức to lớn, số hộ giảm nghèo khoảng 380 hộ, đạt tỷ lệ khoảng 4%/năm; số xã, thôn áp thoát ra khỏi Chương trình 135 là 03 xã và 06 thôn, áp gồm: Huyện Xuyên Mộc có 01 là xã Hòa Hiệp và 02 ấp là ấp Bình Thắng thuộc xã Bình Châu, ấp Thanh Sơn 3 thuộc xã Phước Tân; huyện Châu Đức có 02 xã là xã Suối Rao, xã Đá Bạc và 04 thôn, ấp là ấp Vinh Thanh thuộc thị trấn Ngãi Giao, thôn 1 thuộc xã Bình Trung, thôn Bình Sơn, thôn Bàu Điền thuộc xã Đá Bạc.

## **2. Tình hình kinh tế - xã hội của thôn, ấp đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2019 - 2020:**

Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 – 2020, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu còn 15 thôn, ấp đặc biệt khó khăn.

Ngày 11/7/2017 Ủy ban Dân tộc ban hành Quyết định số 414/QĐ-UBND về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được phê duyệt 15 thôn, ấp vào diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn 2017 – 2020, cụ thể huyện Xuyên Mộc có 12 ấp, gồm: Ấp 1, ấp 2 Tây thuộc xã Bàu Lâm; ấp Bàu Hàm, ấp Bàu Ngứa thuộc xã Tân Lâm; ấp Khu 1 thuộc xã Bình Châu; ấp Tân Rú, ấp Tân Trung thuộc xã Phước Tân; ấp Phú Quý, ấp Phú Tài, ấp Phú Lộc, ấp Phú Vinh, ấp Phú Lâm thuộc xã Hòa Hiệp; huyện Châu Đức có 03 thôn gồm: thôn Lò Ô thuộc xã Đá Bạc; thôn 1, thôn 3 thuộc xã Suối Rao.

Tình hình kinh tế - xã hội của 15 thôn, ấp đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn 2019 -2020 của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với 5.131

hộ và 23.262 khẩu, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số có 1.011 hộ với 3.555 khẩu. Tổng số hộ nghèo là 1.250 hộ, trong đó hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số có 263 hộ chiếm 21,04%. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân trong 15 thôn, ấp nói trên là 24,37%.

- Về cơ sở hạ tầng: Đa số các thôn, ấp đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2019 -2020 cơ sở hạ tầng còn thiếu, nhiều công trình thiết yếu được đầu tư trước đây đã xuống cấp nghiêm trọng cần được đầu tư mới hoặc sửa chữa, tu bổ lại. Trong đó, đặc biệt là về giao thông và thủy lợi, hầu như các công trình hạ tầng thiết yếu chưa được đầu tư. Khoảng 30% dân số các xã sinh sống rải rác ở các khu vực sâu, cách xa đường trục lộ chính, một số nơi chưa có điện lưới sinh hoạt, riêng xã Hòa Hiệp, Bình Châu có đến khoảng 465 hộ đang sử dụng điện qua hình thức câu nhờ từ hộ khác và 18 hộ chưa có điện. Số hộ có nước sạch sinh hoạt còn hạn chế, số hộ thiếu nước vào mùa khô còn nhiều. Riêng đối với đường giao thông nông thôn, hiện nay hầu hết các xã đã có đường trải nhựa đến trung tâm xã, tuy nhiên các tuyến đường giao thông liên thôn, ấp hoặc trong các ấp chủ yếu vẫn là đường đất hoặc đường mòn, việc đi lại của nhân dân gặp nhiều khó khăn, lưu thông hàng hóa, nông sản vì thế cũng bị ảnh hưởng, giá cả của các loại hàng hóa cây công nghiệp và nông nghiệp thấp hơn nhiều so với các vùng khác. Qua kiểm tra, rà soát các danh mục đầu tư của Đề án là những công trình rất cần thiết và cấp bách, không trùng lặp với các nội dung Chương trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

- Về đời sống sản xuất: 90% dân số của các ấp đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực II, sinh sống bằng nghề nông nghiệp, 10% còn là buôn bán nhỏ, chăn nuôi hoặc làm thuê. Là các xã nông nghiệp, tuy nhiên đời sống của đông đảo các hộ dân ở đây gặp nhiều khó khăn do đất đai kém màu mỡ, đất ngập úng rất khó khăn cho canh tác. Phần diện tích khô ráo thì rất nhiều đá sỏi, chủ yếu được dùng cho hoa màu nhưng năng suất thấp. Kinh tế chậm phát triển do phụ thuộc vào thiên nhiên và thời tiết hàng năm. Đa số diện tích gieo trồng chỉ sản xuất được vào 6 tháng mùa mưa, thời gian còn lại là bỏ hoang do thiếu nước. Bên cạnh đó số hộ nghèo, hộ cận nghèo, số hộ đồng bào dân tộc thiểu số gặp nhiều khó khăn do thiếu đất, thiếu vốn, thiếu điều kiện sản xuất và kinh nghiệm làm ăn.

Trong chăn nuôi, chủ yếu phát triển theo mô hình kinh tế hộ gia đình nhỏ lẻ và manh mún. Chăn nuôi heo và gia cầm trong những năm gần đây giảm mạnh so với trước do dịch bệnh và giá cả giảm sâu, tuy nhiên đàn bò và dê, cừu được tăng lên nhưng không đáng kể. Trong những năm gần đây thiên tai dịch bệnh xảy ra liên tiếp, cộng thêm giá cả thị trường biến động mạnh ảnh hưởng lớn đến sản xuất và chăn nuôi của các hộ dân. Diện tích trồng cây cao su, cà phê, tiêu giảm đáng kể, quy mô chăn nuôi đặc biệt là chăn nuôi heo, gà cũng bị thu hẹp, nhiều hộ gia đình bỏ hẳn chăn nuôi do thua lỗ. Về vệ sinh môi trường, cải thiện và nâng cao đời sống cho nhân dân ở các ấp đặc biệt khó khăn, việc chăn nuôi gia súc gia cầm rất phổ biến, tuy nhiên vấn đề vệ sinh môi trường ít được quan tâm. Đa số các hộ chăn nuôi đều nuôi thả, chuồng trại cho gia súc gia cầm nếu có thì rất tạm bợ và được dựng liền kề nhà ở gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường.

Từ thực tế cho thấy, trong 15 thôn ấp đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn 2019 - 2020 có tỷ lệ hộ nghèo còn cao, cơ sở hạ tầng thiết yếu còn thấp kém, đời sống nhân dân gặp rất nhiều khó khăn. Vì vậy cần được Đảng, Nhà nước quan tâm và giúp đỡ nhằm giảm khoảng cách với các xã khác trong toàn tỉnh.

## **II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH 135 GIAI ĐOẠN 2019 - 2020**

Ngày 11/7/2017, Ủy ban Dân tộc đã ban hành Quyết định số 414/QĐ-UBDT về Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020. Trong đó tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được công nhận có 15 thôn ấp đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2019 - 2020.

Xuất phát từ thực tiễn khó khăn của đại bộ phận người dân thuộc các thôn ấp đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh, đòi hỏi phải có sự hỗ trợ của Nhà nước nhằm thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa dân thành thị với nông thôn; vùng sâu, vùng xa mà đặc biệt là người dân nói chung và người tộc thiểu số nói riêng đang sinh sống tại các thôn ấp đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh.

Vì vậy, việc xây dựng đề án Chương trình 135 giai đoạn 2019 - 2020 nhằm triển khai chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước dành cho các thôn ấp đặc biệt khó khăn. Bên cạnh đó, đầu tư cơ sở hạ tầng; hỗ trợ phát triển sản xuất; nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở thuộc các thôn, ấp đặc biệt khó khăn là cần thiết nhằm tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Qua đó góp phần vào công cuộc giảm nghèo bền vững của tỉnh.

## **III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH 135 GIAI ĐOẠN 2019 - 2020**

**1. Tên chương trình:** Thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2019 – 2020 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**2. Đơn vị lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:** Ban Dân tộc.

**3. Đối tượng thụ hưởng:** Người dân thuộc các thôn, ấp đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn 2019-2020 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**4. Địa điểm thực hiện:** Các thôn, ấp đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư Chương trình 135 theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 414/QĐ-UBDT ngày 11/7/2017 của Ủy ban Dân tộc về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư chương trình 135 giai đoạn 2017 – 2020, bao gồm:

\* Huyện Xuyên Mộc:

- Ấp 1, ấp 2 Tây - xã Bàu Lâm;

- Ấp Bà Hàm, ấp Bà Ngựa - xã Tân Lâm;
- Ấp Khu 1- xã Bình Châu;
- Ấp Tân Rú, ấp Tân Trung - xã Phước Tân;
- Ấp Phú Quý, ấp Phú Tài, ấp Phú Lộc, ấp Phú Vinh, ấp Phú Lâm - xã Hòa Hiệp.

\* Huyện Châu Đức:

- Thôn Lò Ô - xã Đá Bạc;
- Thôn 1, thôn 3 - xã Suối Rao.

**5. Tổng kinh phí thực hiện chương trình:** 200.505 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách cấp tỉnh: 187.575 triệu đồng.
- + Vốn đầu tư phát triển: 186.745 triệu đồng.
- + Vốn sự nghiệp: 830 triệu đồng.
- Ngân sách cấp huyện: 8.665 triệu đồng.
- Nguồn vốn đối ứng của người dân: 4.265 triệu đồng.

**6. Thời gian thực hiện:** Giai đoạn 2019-2021.

**7. Cơ quan thực hiện:**

- Ban Dân tộc thực hiện Tiêu dự án 3: Nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở và cộng đồng.
- UBND các huyện Xuyên Mộc, Châu Đức thực hiện Tiêu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng; Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất.

**8. Mục tiêu:**

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân, đặc biệt là ở các địa bàn đặc biệt khó khăn, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin), góp phần hoàn thành mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2016 - 2020.

Các chỉ tiêu chủ yếu cần đạt được đến năm 2020:

- Phần đầu 100% thôn, ấp đặc biệt khó khăn thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất và dân sinh trên địa bàn các thôn, ấp thuộc Chương trình 135 phù hợp quy hoạch dân cư và quy hoạch sản xuất, đảm bảo phục vụ có hiệu quả đời sống và phát triển sản xuất của người dân: Từ 90% - 100% thôn, ấp có trục đường giao thông được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo tiêu chuẩn và cấp kỹ thuật theo quy định; 90% - 100% hộ gia đình được sử dụng điện sinh hoạt;



- Thu nhập của hộ gia đình tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình 135 tăng 20% - 25%/năm; bình quân mỗi năm có ít nhất 15% hộ gia đình tham gia dự án thoát nghèo, cận nghèo;

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã, trường thôn, ấp thuộc Chương trình 135 được tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng;

- Thông qua các đợt tập huấn nâng cao năng lực cộng đồng có 90% các hộ dân thuộc địa bàn thôn, ấp thuộc Chương trình 135 được tiếp cận, cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; kinh nghiệm sản xuất; tình hình phát triển kinh tế - xã hội.

**9. Phạm vi áp dụng:** Áp dụng đối với 15 thôn, ấp đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 – 2020; Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Ủy ban Dân tộc về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020.

**10. Nội dung và quy mô thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2019-2020:**

**Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng:**

a) Đầu tư 28 tuyến đường giao thông nông thôn thuộc các thôn, ấp. Từ đường đất thành đường láng nhựa, bê tông xi măng;

b) Đầu tư 16 tuyến đường dây điện hạ thế (hệ thống điện sinh hoạt).

**Dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất:**

a) Hỗ trợ con giống cho 853 hộ nghèo;

b) Mở 18 lớp tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật chăn nuôi.

**Dự án 3: Dự án nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở và cộng đồng:**

Tổ chức khoảng 30 lớp tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực cho các cán bộ làm công tác giảm nghèo tại các thôn, ấp đặc biệt khó khăn; tổ chức đi thăm quan, học tập kinh nghiệm tốt của các mô hình giảm nghèo có hiệu quả để vận dụng vào thực tế của địa phương.

*( Có danh mục cụ thể đính kèm)*

**11. Nguồn vốn và khả năng cân đối vốn Chương trình 135 giai đoạn 2019-2020:**

a). Nguồn vốn:

- Ngân sách tỉnh bố trí vốn thực hiện đối với Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng và Tiểu dự án 3: Nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở và cộng đồng.

- Ngân sách huyện bố trí vốn thực hiện đối với Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Nguồn vốn đối ứng của người dân khi được hỗ trợ sản xuất.

b) Khả năng cân đối vốn: Ngân sách cân đối bố trí vốn trong giai đoạn 2019-2021.

#### **IV. TÒ CHỨC THỰC HIỆN:**

1. Ban Dân tộc: Là chủ chương trình chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính vào quý III hàng năm tiến hành thẩm tra, rà soát các danh mục công trình đầu tư, căn cứ vào nhu cầu khả năng ngân sách của tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ kinh phí cho địa phương thực hiện; chủ trì giúp UBND tỉnh tổ chức kiểm tra, theo dõi, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo tình hình tổ chức triển khai thực hiện theo quy định của UBND tỉnh và Ủy ban Dân tộc.

2. Sở Tài chính: Tham mưu UBND tỉnh cân đối vốn, bố trí vốn sự nghiệp từ ngân sách địa phương cho chương trình theo phân kỳ hàng năm.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tham mưu UBND tỉnh cân đối vốn, bố trí vốn đầu tư từ ngân sách địa phương cho chương trình theo kế hoạch hàng năm.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì phối hợp với Ban Dân tộc tham mưu giúp UBND tỉnh hướng dẫn chỉ đạo thực hiện “Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế nhân rộng mô hình giảm nghèo” cho các thôn, ấp đặc biệt khó khăn;

- Chỉ đạo một số xã, thôn, ấp để rút kinh nghiệm nhân ra diện rộng; hướng dẫn, kiểm tra về hỗ trợ con giống và các lớp tập huấn khoa học kỹ thuật về chăn nuôi.

5. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:

- Thường trực Ban chỉ đạo giảm nghèo của tỉnh có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Ban Dân tộc, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, UBND các huyện Châu Đức, Xuyên Mộc và các sở, ngành có liên quan chỉ đạo thực hiện xây dựng nhân rộng mô hình giảm nghèo;

- Chủ động lồng ghép các chương trình giảm nghèo gắn với Chương trình 135 để đẩy nhanh công tác giảm nghèo tại các thôn, ấp đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh.

6. UBND các huyện Châu Đức, Xuyên Mộc:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan triển khai thực hiện hiệu quả các hạng mục đã được phê duyệt; lập danh mục các hạng mục công trình đầu tư cơ sở hạ tầng theo thứ tự ưu tiên để triển khai.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra UBND xã có thôn, ấp thuộc Chương trình 135 tổ chức thực hiện dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất; lập danh sách đối tượng thụ hưởng hỗ trợ con giống thuộc dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Hàng năm tổ chức bình xét các thôn, ấp hoàn thành mục tiêu chương trình; định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện và những khó khăn vướng mắc

trong quá trình thực hiện các hạng mục trên địa bàn của mình gửi về UBND tỉnh qua Ban Dân tộc.

7. UBND các xã có thôn, ấp đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2019 – 2020: Phối hợp với Phòng Dân tộc đề xuất, lập danh mục các hạng mục công trình đầu tư cơ sở hạ tầng; bình xét lập danh sách đối tượng thụ hưởng hỗ trợ phát triển sản xuất để hỗ trợ con giống; tổ chức các lớp tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi; tham gia bình xét các xã, thôn, ấp hoàn thành mục tiêu chương trình. *Đinh*

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- TTr TU; TTr HĐND Tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch;
- UBMTTQ Tỉnh và các đoàn thể;
- Các Ban thuộc HĐND Tỉnh;
- Lưu VT-TH; VX2, VX5.



Nguyễn Thanh Tịnh

**BIỂU TỔNG HỢP CHI TIẾT DỰ ÁN ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG  
CHƯƠNG TRÌNH 135 GIAI ĐOẠN 2019 - 2021**

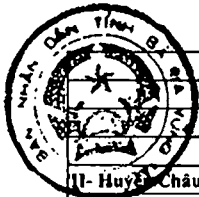
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 90 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng)*



Tên công trình/Phân kỳ đầu tư/Chủ chương trình	Đơn vị (m)	Giá trị	Kết cấu công trình		Địa điểm đầu tư/Số hộ thụ hưởng	Ghi chú
			Hiện trạng	Đầu tư thành		
<b>Năm 2019</b>		<b>71,403</b>				
<b>I- Huyện Xuyên Mộc:</b>		<b>51,898</b>				
<b>1- Công trình giao thông: 06 Công trình</b>	<b>19,960</b>	<b>50,898</b>				
	3,680	9,384	Đường đất	Láng nhựa	Đường GTNT tổ 3,4,5,6 ấp Tân Trung, xã Phước Tân/380 hộ	
	2,000	5,100	Đường đất	Láng nhựa	Nâng cấp đường Khu I đi cầu một Ngàn, xã Bình Châu/160 hộ	
	2,900	7,395	Đường đất	Láng nhựa	Đường tổ 8 ấp Phú Tài, tổ 10, 12 ấp Phú Quý, Hòa Hiệp/134 hộ	
	2,700	6,885	Đường đất	Láng nhựa	Đường tổ 12 ấp Phú Quý, tổ 10,20 Phú Vinh, Hòa Hiệp/198 hộ	
	4,000	10,200	Đường đất	Láng nhựa	Đường tổ 6, tổ 12-15 ấp Phú Lộc, xã Hòa Hiệp/105 hộ	
	4,680	11,934	Đường đất	Láng nhựa	Đường GTNT tổ 6 ấp Tân Rú, xã Phước Tân/130 hộ	
<b>2- Công trình điện: 01 Công trình</b>	<b>1,000</b>	<b>1,000</b>				
	1,000	1,000			Tuyến điện hạ thế tổ 4, ấp Khu 1 xã Bình Châu/ 28 hộ	
<b>II- Huyện Châu Đức:</b>		<b>19,505</b>				
<b>1- Công trình giao thôn: 04 Công trình</b>	<b>5,100</b>	<b>13,005</b>				
	1,200	3,060	Đường đất	Láng nhựa	Đường liên tổ 1,2, thôn Lò Ó, xã Đa Bạc/48 hộ	
	1,000	2,550	Đường đất	Láng nhựa	Đường tổ 1 thôn 1( nhà Bà Xá), xã Suối Rao/48 hộ	
	1,600	4,080	Đường đất	Láng nhựa	Đường tổ 3 thôn 3( nhà Bà Hậu), xã Suối Rao/67 hộ	
	1,300	3,315	Đường đất	Láng nhựa	Đường tổ 3 thôn 3( nhà ông Sự), xã Suối Rao/56 hộ	
<b>2- Công trình điện: 06 Công trình</b>	<b>6,500</b>	<b>6,500</b>				
	1,000	1000			Đường dây hạ thế và TBA tổ 1 thôn 1, xã Suối Rao /55 hộ	

	1,600	1,600			Đường dây hạ thế và TBA tổ 2 thôn 1, xã Suối Rao/62 hộ	
	700	700			Đường dây hạ thế tổ 3 thôn 1( đất Bà Văn) , xã Suối Rao/43 hộ	
	700	700			Đường dây hạ thế tổ 4 thôn 1 (Kênh sông rây,xã Suối Rao/44 hộ	
	1,200	1,200			Đường dây hạ thế và TBA tổ 5 thôn 1, xã Suối Rao/58 hộ	
	1,300	1,300			Đường dây hạ thế và TBA tổ 3 thôn 3, xã Suối Rao/56 hộ	
<b>Năm 2020</b>		57,874				
<b>I- Huyện Xuyên Mộc:</b>		44,319				
<b>I- Công trình giao thông: 06 Công trình</b>	<b>17,380</b>	<b>44,319</b>				
	3,500	8,925	Đường đất	Láng nhựa	Đường tổ 15, 16 ấp Phú Lộc, xã Hòa Hiệp/133 hộ	
	6,000	15,300	Đường đất	Láng nhựa	Đường tổ 4, 9 ấp Phú Lâm, xã Hòa Hiệp/147 hộ	
	1,000	2,550	Đường đất	Láng nhựa	Đường tuyến tổ 1-12, đặc tên Khu 1-24 xã Bình Châu/88 hộ	
	2,580	6,579	Đường đất	Láng nhựa	Đường GTNT tổ 7 ấp Tân Trung xã, Phước Tân/190 hộ	
	2,500	6,375	Đường đất	Láng nhựa	Đường tổ 2, tổ 12 ấp Phú Vinh xã Hòa Hiệp/200 hộ	
	1,800	4,590	Đường đất	Láng nhựa	Đường tổ 2, ấp Bàu Hàm xã Tân Lâm/85 hộ	
<b>II- Huyện Châu Đức:</b>		13,555				
<b>I- Công trình giao thôn: 03 Công trình</b>	<b>4,100</b>	<b>10,455</b>				
	1,400	3,570	Đường đất	Láng nhựa	Đường tổ 3 thôn 3( nhà ông Hậu) , xã Suối Rao/54 hộ	
	1,200	3,060	Đường đất	Láng nhựa	Đường tổ 3 thôn 3( nhà ông Yên) , xã Suối Rao/48 hộ	
	1,500	3,825	Đường đất	Láng nhựa	Đường tổ 3 thôn 1( nhà Bà Văn) , xã Suối Rao/55 hộ	
<b>2- Công trình điện: 05 Công trình</b>	<b>3,100</b>	<b>3,100</b>				
	500	500			Đường dây hạ thế tổ 6 thôn 3, xã Suối Rao/43 hộ	
	500	500			Đường dây hạ thế tổ 2, 6 thôn 3, xã Suối Rao/41 hộ	
	800	800			Đường dây hạ thế tổ 4 thôn 1, xã Suối Rao/47 hộ	
	500	500			Tuyến điện hạ thế tổ 4 thôn 3, xã Suối Rao/41 hộ	
	800	800			Đường dây hạ thế tổ 2 thôn 3, xã Suối Rao/47 hộ	
<b>Năm 2021</b>		57,468				
<b>I- Huyện Xuyên Mộc:</b>		44,753				
<b>I- Công trình giao thông: 06 Công trình</b>	<b>17,550</b>	<b>44,753</b>				
	2,300	5,865	Đường đất	Láng nhựa	Đường tổ 11 ấp Phú Quý, xã Hòa Hiệp/100 hộ	
	2,900	7,395	Đường đất	Láng nhựa	Đường tổ 12, 13 ấp Phú Lộc, xã Hòa Hiệp/129 hộ	



	3,750	9,563	Đường đất	Láng nhựa	Đường GTNT tổ 3, tổ 4 ấp Tân Rú, xã Phước Tân/147 hộ	
	2,500	6,375	Đường đất	Láng nhựa	Đường tổ 12, 14 ấp Phú Lộc xã Hòa Hiệp/120 hộ	
	3,400	8,670	Đường đất	Láng nhựa	Đường tổ 10,15 ấp Phú Lộc, tổ 3,14 Phú Quý, Hòa Hiệp/310 hộ	
	2,700	6,885	Đường đất	Láng nhựa	Đường tổ 5,6,7 ấp Phú Lâm xã Hòa Hiệp/230 hộ	
<b>II- Huyện Châu Đức:</b>		12,715				
<b>1- Công trình giao thôn: 03 Công trình</b>	3,300	8,415				
	800	2,040	Đường đất	Láng nhựa	Đường tổ 6 đi tổ 2 thôn 3, xã Suối Rao/45 hộ	
	1,200	3,060	Đường đất	Láng nhựa	Đường tổ 3 thôn 3(Đất Thanh Xuân) , xã Suối Rao/50 hộ	
	1,300	3,315	Đường đất	Láng nhựa	Đường tổ 4,6 thôn 3 (nhà ông Mạnh) , xã Suối Rao/53 hộ	
<b>2- Công trình điện: 04 Công trình</b>	4,300	4,300				
	800	800			Đường dây hạ thế tổ 5 thôn 1, xã Suối Rao/47 hộ	
	700	700			Tuyến điện hạ thế tổ 3 thôn 1( ông Nhật) , xã Suối Rao/43 hộ	
	1,300	1,300			Đường dây hạ thế và TBA tổ 4 thôn 3, xã Suối Rao/52 hộ	
	1,500	1,500			Đường dây hạ thế TBA tổ 6 thôn 3(Trại gà) , xã Suối Rao/58 hộ	
<b>Tổng cộng (2019+2020+2021):</b>		186,745				

**BIỂU TỔNG HỢP CHI TIẾT DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT  
CHƯƠNG TRÌNH 135 GIAI ĐOẠN 2019 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 90 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh)*

*Dv: Triệu đồng*



Mã số công trình/Phân kỳ đầu tư	Chức năng công trình	Địa điểm đầu tư	Giá trị công trình			
			Số lượng(hộ)	Ngân sách cấp	Hệ dân đối ứng	Tổng cộng
<b>Năm 2019 (I+II):</b>				<b>4,297.5</b>	<b>2,115</b>	<b>6,412.5</b>
<b>I Hỗ trợ mua cây, con giống (Ngân sách hỗ trợ 10 trđ/hộ, người dân đối ứng 5 trđ/hộ)</b>			<b>423</b>	<b>4,230</b>	<b>2,115</b>	<b>6,345</b>
<b>1</b>		<b>Huyện Xuyên Mộc:</b>	<b>354</b>	<b>3,540</b>	<b>1,770</b>	<b>5,310</b>
1.1	Xã Tân Lâm	Xã Tân Lâm	50	500	250	750
a		Áp Bàu Hàm	24	240	120	360
b		Áp Bàu Ngứa	26	260	130	390
1.2	Xã Bàu Lâm	Xã Bàu Lâm	50	500	250	750
a		Áp 1	27	270	135	405
b		Áp 2 Tây	23	230	115	345
1.3	Xã Phước Tân	Xã Phước Tân	34	340	170	510
a		Áp Tân Rù	17	170	85	255
b		Áp Tân Trung	17	170	85	255
1.4	Xã Bình Châu	Xã Bình Châu	33	330	165	495
a		Áp Khu 1	33	330	165	495
1.5	Xã Hòa Hiệp	Xã Hòa Hiệp	187	1,870	935	2,805
a		Áp Phú Quý	52	520	260	780
b		Áp Phú Tài	19	190	95	285
c		Áp Phú Lộc	47	470	235	705
d		Áp Phú Vinh	43	430	215	645
e		Áp Phú Lâm	26	260	130	390
<b>2</b>		<b>Huyện Châu Đức:</b>	<b>69</b>	<b>690</b>	<b>345</b>	<b>1,035</b>
2.1	Xã Đá Bạc	Xã Đá Bạc	14	140	70	210
a		Thôn Lò Ó	14	140	70	210
2.2	Xã Suối Rao	Xã Suối Rao	55	550	275	825
a		Thôn 1	28	280	140	420
b		Thôn 3	27	270	135	405
<b>II</b>	<b>Tập huấn Chuyển giao KHKT trong trồng trọt, chăn nuôi (7,5 triệu/lớp/ 50 người)</b>		<b>09 lớp</b>	<b>67.5</b>	<b>0</b>	<b>67.5</b>
<b>I</b>		<b>Huyện Xuyên Mộc:</b>	<b>7</b>	<b>52.5</b>	<b>0</b>	<b>52.5</b>
1.1	Xã Tân Lâm	Xã Tân Lâm	1	7.5	0	7.5

1.2		Xã Bầu Lám	Xã Bầu Lám	1	7.5	0	7.5
1.3		Xã Phước Tân	Xã Phước Tân	1	7.5	0	7.5
1.4		Xã Bình Châu	Xã Bình Châu	1	7.5	0	7.5
1.5		Xã Hòa Hiệp	Xã Hòa Hiệp	3	22.5	0	22.5
2			Huyện Châu Đức:	2	15	0	15
2.1		Xã Đá Bạc	Xã Đá Bạc	1	7.5	0	7.5
2.2		Xã Suối Rao	Xã Suối Rao	1	7.5	0	7.5
B	Năm 2020 (I+II):				4,367.5	2,150.0	6,517.5
I	Hỗ trợ mua cây, con giống (Ngân sách hỗ trợ 10 trđ/hộ, người dân đối ứng 5 trđ/hộ)			430	4,300	2,150	6,450
I			Huyện Xuyên Mộc:	358	3,580	1,790	5,370
1.1		Xã Tân Lâm	Xã Tân Lâm	51	510	255	765
a			Ấp Bầu Hàm	24	240	120	360
b			Ấp Bầu Ngựa	27	270	135	405
1.2		Xã Bầu Lám	Xã Bầu Lám	51	510	255	765
a			Ấp 1	28	280	140	420
b			Ấp 2 Tây	23	230	115	345
1.3		Xã Phước Tân	Xã Phước Tân	35	350	175	525
a			Ấp Tân Rú	17	170	85	255
b			Ấp Tân Trung	18	180	90	270
1.4		Xã Bình Châu	Xã Bình Châu	33	330	165	495
a			Ấp Khu 1	33	330	165	495
1.5		Xã Hòa Hiệp	Xã Hòa Hiệp	188	1,880	940	2,820
a			Ấp Phú Quý	52	520	260	780
b			Ấp Phú Tài	19	190	95	285
c			Ấp Phú Lộc	47	470	235	705
d			Ấp Phú Vinh	43	430	215	645
e			Ấp Phú Lâm	27	270	135	405
2			Huyện Châu Đức:	72	720	360	1,080
2.1		Xã Đá Bạc	Xã Đá Bạc	15	150	75	225
a			Thôn Lò Ô	15	150	75	225
2.2		Xã Suối Rao	Xã Suối Rao	57	570	285	855
a			Thôn 1	29	290	145	435
b			Thôn 3	28	280	140	420
II	Tập huấn Chuyển giao KIKT trong trồng trọt, chăn nuôi (7,5 triệu/lớp/ 50 người)			09 lớp	67.5		67.5
I			Huyện Xuyên Mộc:	8	60	0	60





	Xã Tân Lâm	Xã Tân Lâm		1	7.5	0	7.5
	Xã Bầu Lâm	Xã Bầu Lâm		1	7.5	0	7.5
	Xã Phước Tân	Xã Phước Tân		1	7.5	0	7.5
	Xã Bình Châu	Xã Bình Châu		1	7.5	0	7.5
	Xã Hòa Hiệp	Xã Hòa Hiệp		4	30	0	30
		<b>Huyện Châu Đức:</b>		1	7.5	0	7.5
2.1	Xã Đá Bạc	Xã Đá Bạc		1	7.5	0	7.5
2.2	Xã Suối Rao	Xã Suối Rao		0	0	0	0
<b>TỔNG CỘNG (A + B):</b>					<b>8,665</b>	<b>4,265</b>	<b>12,930</b>

			<b>Ngân sách</b>	<b>Hộ dân</b>	<b>Tổng</b>
2019	Xuyên Mộc	PTSX	3,540	1,770	5,310
		Tập huấn	52.5	0	67.5
		Châu Đức	PTSX	690	345
		Tập huấn	15	0	15
2020	Xuyên Mộc	PTSX	3,580	1,790	5,370
		Tập huấn	60	0.0	60
		Châu Đức	PTSX	720	360
		Tập huấn	7.5	0	7.5
			<b>8,665</b>	<b>4,265</b>	<b>12,945</b>
	<b>Tổng cộng</b>	PTSX	8,530	4,265	12,795
		Tập huấn	135	0	135
		<b>Cộng</b>	<b>8,665</b>	<b>4,265</b>	<b>12,930</b>



**BIỂU TỔNG HỢP DỰ ÁN 3:  
NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO CÁN BỘ CƠ SỞ VÀ CỘNG ĐỒNG  
CHƯƠNG TRÌNH 135 GIAI ĐOẠN 2019 - 2021**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 90 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh)*

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Nguồn ngân sách Tỉnh
<b>I</b>	<b>Năm 2019</b>		<b>355</b>
3	Nâng cao năng lực quản lý	Ban Dân tộc	225
4	Phí quản lý (tối đa 0,5%)	Ban Dân tộc	130
<b>II</b>	<b>Năm 2020</b>		<b>345</b>
4	Nâng cao năng lực quản lý	Ban Dân tộc	225
5	Phí quản lý (tối đa 0,5%)	Ban Dân tộc	120
<b>III</b>	<b>Năm 2021</b>		<b>130</b>
2	Phí quản lý (tối đa 0,5%)	Ban Dân tộc	130
<b>Tổng cộng (I+II+III)</b>			<b>830</b>